

Số: 30 /2019/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 04 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 và thay thế cho Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án hoạt động khoáng sản và hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định về quản lý, khai thác và vận chuyển đất san lấp khi san gạt cải tạo mặt bằng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *đ*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Cao Bằng;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2019/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể một số nội dung để thi hành pháp luật về khoáng sản tại tỉnh Cao Bằng, về trách nhiệm quản lý khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; trách nhiệm của các sở, các ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Những nội dung không nêu tại Quy định này được thực hiện theo Luật Khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực khoáng sản; tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.

2. Hoạt động khoáng sản bao gồm hoạt động thăm dò khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Thăm dò khoáng sản là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.

4. Khai thác khoáng sản là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan.

5. Khoáng sản nguyên khai là sản phẩm tài nguyên của khoáng sản, đã khai thác, không còn ở trạng thái tự nhiên nhưng chưa qua đập, nghiền, sàng, phân loại hoặc các hoạt động khác để nâng cao giá trị khoáng sản sau khai thác.

6. Xây dựng cơ bản mỏ là các công việc được xác định trong dự án đầu tư, thiết kế mỏ, gồm: Xây dựng các công trình (nhà cửa, kho tàng, bến bãi v.v...) phục vụ khai thác; xây dựng đường vận chuyển để kết nối vị trí khai thác với hệ thống giao thông khu vực lân cận; tạo mặt bằng đầu tiên để khai thác khoáng sản.

7. Trữ lượng địa chất là một phần hoặc toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong khu vực đã thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

8. Trữ lượng khai thác là trữ lượng địa chất nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác; trong đó, đã loại bỏ một phần trữ lượng do áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên hoặc hầm lò nhằm đảm bảo khả thi trong quá trình khai thác.

9. Trữ lượng địa chất được phép khai thác là trữ lượng khoáng sản địa chất đã điều tra, đánh giá hoặc thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận nằm trong khu vực được phép khai thác nêu trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

10. Thống kê trữ lượng khoáng sản là việc xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác thực tế hàng năm và tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ khi được phép khai thác đến thời điểm thống kê.

11. Kiểm kê trữ lượng khoáng sản là việc xác định trữ lượng địa chất được phép khai thác còn lại tại thời điểm kiểm kê.

12. Tài nguyên địa chất là các dạng vật chất hình thành do quá trình địa chất, tồn tại trong hoặc trên lớp vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác, sử dụng.

13. Di sản địa chất là một phần tài nguyên địa chất có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế.

14. Công viên địa chất là một vùng có giới hạn xác định, chứa đựng các di sản địa chất, có giá trị quan trọng về khoa học địa chất, độc đáo về văn hoá, sinh thái và khảo cổ học; có kích thước phù hợp để thực hiện các chức năng quản lý, bảo tồn, nghiên cứu và phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

15. Bất khả kháng trong hoạt động khoáng sản là sự kiện khách quan, không thể lường trước; là sự việc mà tổ chức, cá nhân đã áp dụng mọi biện pháp mà không thể tránh, không thể khắc phục, dẫn đến không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản.

Điều 4. Điều kiện của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề thăm dò khoáng sản được thăm dò khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã; Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

b) Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh ngành nghề thăm dò khoáng sản được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã.

b) Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tận thu khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải là tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản và bảo đảm kinh phí để thực hiện toàn bộ đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Điều 5. Đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản bằng vốn của tổ chức cá nhân

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, trừ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản urani, thori. Trường hợp điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc khu vực vành đai biên giới quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét trước khi quyết định.

2. Căn cứ vào danh mục đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ, nhà đầu tư lập hồ sơ tham gia góp vốn gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu góp vốn tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở những khu vực chưa có trong danh mục đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì đề xuất bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện thủ tục bổ sung Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy định. Nội dung văn bản đề xuất phải nêu sơ bộ được phạm vi, đối tượng, mục tiêu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, dự toán kinh phí, thời gian và tổ chức, cá nhân lập, thi công đề án.

4. Trình tự, thủ tục góp vốn tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 61/2014/TTLT-BTNMT-BKHĐT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thủ tục góp vốn, quản lý vốn góp của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

5. Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải gắn với điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất. Nội dung công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường quy định nội dung công tác điều tra, đánh giá di sản địa chất, công viên địa chất.

6. Tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được ưu tiên sử dụng thông tin về khoáng sản trong khu vực đã điều tra khi tham gia hoạt động khoáng sản; được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; được hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản khi không đủ điều kiện để được cấp phép thăm dò khoáng sản và có tổ chức, cá nhân khác được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực đã điều tra. Trường hợp khu vực điều tra không đủ điều kiện cấp phép thăm dò khoáng sản thì nhà đầu tư không được hoàn trả vốn đã góp.

Điều 6. Lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được lựa chọn cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản là tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Căn cứ vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có thể tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản về Sở Tài nguyên và Môi trường để được lựa chọn là tổ chức, cá nhân chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được lựa chọn để cấp Giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Là tổ chức, cá nhân đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản.

b) Là tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Khoáng sản.

c) Là tổ chức, cá nhân được tổ chức, cá nhân có quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác

khoáng sản đồng ý cho thay thế và các bên đã hoàn thành việc hoàn trả chi phí thăm dò theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Luật Khoáng sản.

Điều 7. Trình tự các thủ tục về khoáng sản để được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định, tổ chức, cá nhân phải hoàn thiện các thủ tục sau đây để được khai thác khoáng sản:

1. Đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, trừ các trường hợp: khu vực đã có kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Luật khoáng sản; khai thác tận thu khoáng sản.

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Khoáng sản, văn bản trong hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Lập hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản, văn bản trong hồ sơ quy định tại Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

3. Đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

a) Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản, văn bản trong hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

b) Đối với khai thác tận thu khoáng sản lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 70 Luật Khoáng sản, văn bản trong hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Đối với khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 65 Luật khoáng sản lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Điều 8. Các trường hợp không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ

quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản.

a) Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình, bao gồm cả hồ sơ đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản.

Điều 9. Các trường hợp khai thác khoáng sản không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản.

Điều 10. Thủ tục hành chính về khoáng sản

1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là các thủ tục: Cấp, gia hạn, thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình; chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản; đóng cửa mỏ khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính về khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Chi tiết về thành phần hồ sơ, điều kiện giải quyết, thời gian giải quyết, trình tự giải quyết, mức thu phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính thể hiện trong Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Thăm dò nâng cấp trữ lượng trong khu vực khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 55 Luật Khoáng sản và Điều 28 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Kết thúc thăm dò nâng cấp trữ lượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trình kết quả thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Khai thác khoáng sản đi kèm trong khu vực khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trước khi khai thác khoáng sản đi kèm quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, phải gửi thông báo bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tiến hành công tác kiểm tra thực địa, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khai thác khoáng sản đi kèm theo quy định tại Khoản 6 Điều 20 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo khối lượng khoáng sản đã thu hồi, sử dụng thực tế hàng năm.

Điều 13. Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trừ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 65 Luật khoáng sản, phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), Báo cáo

nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Thiết kế xây dựng công trình khai thác khoáng sản gồm thiết kế sơ bộ trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có), thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công trong giai đoạn thực hiện dự án.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thì thiết kế xây dựng là thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

4. Dự án đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng công trình khai thác khoáng sản phải được thẩm định trước khi quyết định đầu tư, phê duyệt thiết kế theo quy định của Luật Xây dựng.

5. Thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

6. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của Bộ Công Thương.

Điều 14. Thực hiện và nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản giải thể, phá sản hoặc không có khả năng thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị giải thể, phá sản thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị có đủ năng lực để lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thông qua hình thức đấu thầu. Trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định đơn vị thực hiện.

Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã phê duyệt, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã huy động tối đa vốn, thiết bị, công nghệ sẵn có mà không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các hạng mục công trình trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn đơn vị theo hình thức nêu trên để thực hiện.

2. Kinh phí để lập, thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản quy định tại Khoản 1 Điều này được lấy từ tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản tính đến thời điểm lập Đề án đóng cửa mỏ. Trường hợp không đủ kinh phí để thực hiện theo dự toán, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 15. Phối hợp thẩm định cấp phép hoạt động khoáng sản

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời Bộ Tài nguyên và Môi trường về diện tích dự kiến cấp phép hoạt động khoáng sản có hoặc không có liên quan đến khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khoáng sản được thăm dò, khai thác tổ chức kiểm tra, xem xét và đề xuất, kiến nghị xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, đời sống của người dân địa phương và hoạt động khác, có văn bản trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương II

QUYỀN LỢI ĐỊA PHƯƠNG, NGƯỜI DÂN NƠI CÓ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC KHAI THÁC; BẢO VỆ KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC

Điều 16. Quyền lợi của địa phương, người dân nơi có khoáng sản được khai thác

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật. Các hạng mục công trình được hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo, xây dựng cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau đây:

a) Là đường giao thông cấp huyện, xã bị ảnh hưởng trực tiếp do vận chuyển nguyên, nhiên liệu phục vụ khai thác khoáng sản; vận chuyển đất đá thải, khoáng sản đã khai thác;

b) Là các công trình phúc lợi nằm trên địa bàn huyện, xã nơi có khoáng sản được khai thác gồm: Trường học, cơ sở khám chữa bệnh, nhà văn hóa, hệ thống cung cấp nước sạch; công trình xử lý môi trường.

Điều 17. Chi phí hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Chi phí hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được hạch toán vào chi phí sản xuất.

2. Chi phí hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác bao gồm chi phí đầu tư xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương và chi phí đầu tư, đóng góp hàng năm để nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản.

3. Chi phí xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác:

a) Trong toàn bộ quá trình khai thác khoáng sản tại địa phương theo Giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải trực tiếp hoặc phối hợp thực hiện xây dựng ít nhất một (01) công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác. Loại hình, vị trí, giá trị và thời điểm thực hiện xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản được khai thác chủ động định hướng và thống nhất với doanh nghiệp.

b) Chi phí xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác không thấp hơn 03 lần chi phí tối thiểu đầu tư, đóng góp hàng năm để nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản.

4. Chi phí tối thiểu đầu tư, đóng góp hàng năm để nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản của từng mỏ được tính theo công thức sau:

$$T = A \times G \times R \times K$$

Trong đó:

T - Chi phí tối thiểu đầu tư, đóng góp hàng năm để nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

A - Công suất khai thác khoáng sản ghi trên Giấy phép khai thác khoáng sản; đơn vị tính là m^3 , tấn;

G - Giá tính thuế tài nguyên của loại khoáng sản được khai thác do Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành; đơn vị tính là đồng/ m^3 , tấn;

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của loại khoáng sản được khai thác theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; đơn vị tính là phần trăm (%).

K - Hệ số tác động đến hạ tầng kỹ thuật của hoạt động khai thác khoáng sản, được xác định bằng công thức: $K = 1/L$ với L là khoảng cách đường giao thông đường cấp huyện, cấp xã tính từ mỏ ra đến đường tỉnh lộ, không tính khoảng cách đường do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản tự mở mới để đi vào khu vực mỏ.

Điều 18. Trình tự thực hiện việc hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chủ động liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có mỏ khoáng sản được khai thác để đăng ký, thống nhất việc hỗ trợ địa phương và người dân

nơi có khoáng sản được khai thác. Nội dung thống nhất cần tập trung vào hạng mục công trình, loại hình, địa điểm, giá trị công trình, hình thức hỗ trợ và kế hoạch thực hiện các hạng mục công trình đó.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản thông báo chấp thuận nội dung hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác do tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng đã đăng ký.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thông báo bằng văn bản về nội dung, khối lượng; kế hoạch, chương trình thực hiện các công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ người dân và địa phương nơi có khoáng sản được khai thác đến Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo công khai đến các xóm, tổ dân phố liên quan để người dân khu vực mở cửa đại diện tham gia giám sát quá trình thực hiện.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trực tiếp thực hiện hoặc hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định thực hiện các công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ người dân và địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản và Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành và bàn giao để quản lý, sử dụng theo quy định.

Điều 19. Điều kiện đảm bảo thực hiện hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản kể từ khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động rà soát, lựa chọn các công trình phúc lợi, các công trình hạ tầng kỹ thuật của địa phương để thống nhất với các đơn vị khai thác khoáng sản thực hiện việc đăng ký và triển khai công tác hỗ trợ người dân và địa phương nơi có khoáng sản được khai thác. Hoàn thành và tổng hợp báo cáo kết quả đối với từng đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị được cấp mới Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Công thương, Sở Xây dựng khi thẩm định, cho ý kiến về dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải yêu cầu chủ đầu tư thống nhất với chính quyền địa phương xác định rõ, cụ thể hóa nội dung hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác trong dự án đầu tư để các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở theo dõi, đôn đốc thực hiện.

3. Trường hợp giữa tổ chức, cá nhân chưa thống nhất được với địa phương về việc hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai

thác thì phải có văn bản cam kết nộp các khoản theo mức tối thiểu quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 17 Quy định này vào ngân sách của địa phương để thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương và nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản.

Điều 20. Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai các biện pháp ngăn chặn, xử lý hoạt động khoáng sản trái phép (bao gồm cả khu vực khoáng sản có Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực) cụ thể như sau:

1. Chủ trì phổ biến và triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn đã được phê duyệt.

2. Thường xuyên rà soát địa bàn, ngăn chặn triệt để không để tình trạng lấp đặt, tập kết phương tiện, máy móc thiết bị chuyên dùng trong hoạt động thăm dò, khai thác trên địa bàn khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản.

3. Ngay sau khi phát hiện hoặc được báo tin về hoạt động khoáng sản trái phép phải chủ động huy động, tổ chức ngay lực lượng để giải tỏa, ngăn chặn; lập Biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; xử lý nghiêm theo thẩm quyền, trường hợp hành vi vi phạm vượt thẩm quyền xử lý hành chính, phải báo cáo cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định.

4. Kiên quyết yêu cầu và giám sát việc tháo dỡ, di chuyển các phương tiện, thiết bị chuyên dùng sử dụng khai thác khoáng sản trái phép ra khỏi khu vực. Không để tình trạng đã phát hiện, xử phạt nhưng không tháo dỡ, di chuyển thiết bị hoặc di chuyển ra ngay khu vực lân cận để tìm cách trở lại khai thác trái phép hoặc khai thác trái phép ở vị trí mới. Giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát việc thực hiện, trường hợp không chấp hành thì áp dụng các biện pháp xử lý vô hiệu hóa phương tiện, thiết bị theo quy định.

5. Đối với các trường hợp phức tạp, nằm ngoài tầm kiểm soát, đã tổ chức lực lượng và có các biện pháp xử lý nhưng vẫn không thể ngăn chặn, giải quyết phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên. Các trường hợp khẩn cấp có thể thông báo qua điện thoại, nhưng sau đó phải có văn bản báo cáo cụ thể.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khi để xảy ra tình trạng thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không phát hiện, không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài, tập trung đông người, ảnh hưởng xấu đến môi trường, mất an ninh trật tự xã hội, gây bức xúc cho nhân dân phải nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với cán bộ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Trường hợp phát hiện cán bộ, công chức bao che, tiếp tay cho hoạt động khoáng sản trái phép; thoả thuận, cho phép các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trái pháp luật phải xử lý, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương III**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG ĐẤT SAN LẤP****Điều 21. Trường hợp phải đề nghị cấp giấy phép khai thác**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cải tạo san gạt mặt bằng, hạ thấp nền đảm bảo đúng theo cao độ thiết kế của dự án đầu tư đã được phê duyệt hoặc hộ gia đình, cá nhân đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cho phép cải tạo mặt bằng trong diện tích đất được giao, trong quá trình thi công làm phát sinh một khối lượng đất san lấp dôi dư có nhu cầu khai thác để phục vụ cho thi công các công trình khác. Trường hợp này tổ chức, cá nhân, hộ gia đình lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác mà không bắt buộc phải thăm dò, không cần lập thiết kế cơ sở, không yêu cầu thực hiện thiết kế mỏ và giám đốc điều hành mỏ.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là mỏ đất san lấp không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010.

Điều 22. Trường hợp không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác nhưng phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

1. Trường hợp san gạt cải tạo mặt bằng trong diện tích đất được giao (không bao gồm đất ở) cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mà không sử dụng đất để san lấp công trình khác phải đăng ký khu vực, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch thi công, vị trí đổ đất thải tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận bằng văn bản.

2. Trường hợp san gạt cải tạo mặt bằng đất ở thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp phép xây dựng phải đăng ký khu vực, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch thi công, vị trí đổ đất thải tại Ủy ban nhân dân cấp xã và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản.

3. Trường hợp, trong cùng một khu vực có nhiều thửa đất khác nhau, thẩm quyền chấp thuận san gạt, cải tạo mặt bằng vừa của Ủy ban nhân dân cấp huyện, vừa của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thụ lý hồ sơ, xem xét giải quyết.

Điều 23. Trường hợp không phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nhưng phải thông báo ngày khởi công xây dựng

Trường hợp san gạt mặt bằng của dự án đầu tư đã được phê duyệt, san gạt mặt bằng trên diện tích đất được giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, trong quá trình san gạt mặt bằng không sử dụng đất dôi dư để san lấp công trình khác thì không phải đăng ký khu vực, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch thi công. Trước

khi thi công tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải thông báo ngày khởi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 24. Thẩm quyền cấp giấy phép khai thác đất san lấp, chấp thuận đăng ký cải tạo mặt bằng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan cấp giấy phép khai thác đất san lấp đối với các trường hợp quy định tại Điều 21 Quy định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ về đề nghị cấp giấy phép khai thác đất san lấp khi cải tạo mặt bằng của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan chấp thuận cho phép cải tạo mặt bằng đất được giao của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 22 Quy định này.

4. Phòng Tài nguyên Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận việc đăng ký cải tạo mặt bằng ghi tại khoản 3 Điều này; quản lý giám sát, kiểm tra việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình hoạt động cải tạo mặt bằng trên địa bàn huyện.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chấp thuận cho phép cải tạo mặt bằng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quy định này.

Điều 25. Quy định về bãi thải đồ đất dôi dư trong quá trình san gạt, cải tạo mặt bằng

Bãi thải đồ đất đá thải phải được xác định trong dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc bãi thải đã được quy hoạch của địa phương. Các trường hợp khác phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chấp thuận đồng ý cho đồ đất thải vào các vị trí phù hợp, thực hiện đồng thời với việc chấp thuận cho phép cải tạo mặt bằng.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Quyết định hình thức hạn chế hoạt động khoáng sản trong khu vực hoạt động khoáng sản theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Khoáng sản.

b) Theo thẩm quyền được giao, lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Khoáng sản.

c) Chấp thuận việc tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 37 Luật Khoáng sản.

d) Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Khoáng sản.

e) Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 81 Luật Khoáng sản.

f) Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82 của Luật Khoáng sản.

g) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

h) Quyết định giá khởi điểm; công nhận kết quả trúng đấu giá; hủy kết quả phiên đấu giá; phê duyệt kết quả xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

i) Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

l) Phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản thông báo cho các tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác khoáng sản về những vi phạm và thời hạn để khắc phục khi các tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều 42 Luật Khoáng sản; các Điểm a, b, c, d, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản.

Điều 27. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản sau khi được phê duyệt, ban hành.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng và cơ quan có liên quan lập Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh, lập Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trình phê duyệt theo quy định.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp khu vực đưa ra đấu giá có cấu trúc địa chất phức tạp hoặc trong trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng giá khởi điểm của mỗi phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xác định tiền đặt trước, trình Chủ tịch Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hoặc ban hành quyết định phê duyệt tiền đặt trước trong mỗi phiên đấu giá trước khi tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện phiên đấu giá; xác định bước giá.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận chỉ tiêu tính trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng khoanh định các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo quy định; đăng tải công khai khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khoanh định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hàng năm lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, khu

vực khai thác khoáng sản; hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản, bao gồm cả hồ sơ đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 65 Luật khoáng sản; hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; trình thu hồi, tước quyền sử dụng Giấy phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thẩm định, trình cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền.

10. Là Cơ quan thường trực chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

11. Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ Giám đốc điều hành mỏ; yêu cầu tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản phải thông báo về Giám đốc điều hành mỏ theo quy định.

12. Kiểm tra thực địa, xác định các vấn đề liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất phục vụ công tác lập đề án thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại Điều 37 Luật Khoáng sản; tổ chức giao mốc giới khu vực thăm dò, khu vực khai thác cho các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

13. Quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt; báo cáo tình hình hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định.

14. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định; giám sát công tác đóng cửa mỏ.

15. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản theo quy định của pháp luật; thông báo thời hạn phải khắc phục những vi phạm trong hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

16. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trong Quy định này.

17. Khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thuộc lĩnh vực quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

18. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản.

19. Tiếp nhận báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi bản sao báo cáo cho Sở Công Thương, Sở Xây dựng để phối hợp quản lý.

20. Tiếp nhận báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả đăng ký và triển khai công tác hỗ trợ người dân và địa phương nơi có khoáng sản được khai thác của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; tổng hợp tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản về việc thăm dò nâng cấp trữ lượng trong khu vực khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền theo quy định.

22. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xem xét các vấn đề có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khai thác khoáng sản đi kèm thuộc thẩm quyền theo quy định.

23. Quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu về khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 28. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công Thương có chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và nguyên liệu sản xuất xi măng), có trách nhiệm:

1. Chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công của các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của Luật Xây dựng.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; kiểm tra việc thực hiện thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giám đốc điều hành mỏ, chỉ huy nổ mìn, người lao động liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp, công tác phòng chống cháy nổ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường: xây dựng văn bản đề thi hành pháp luật về khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định